**Phụ lục**

**DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**

**CỦA SỞ Y TẾ TỈNH LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 1437 /QĐ-UBND ngày 28/6/2025*

*của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)*

**Phần I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA**

| **STT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế |  |
| 2 | Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế (CFS) |  |
| 3 | Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi |  |
| 4 | Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của BộY tế |  |
| 5 | Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học,thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt,sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi |  |
| 6 | Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi |  |
| 7 | Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước |  |
| 8 | Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước |  |
| 9 | Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước |  |
| 10 | Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 |  |
| 11 | Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 |  |
| 12 | Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu |  |

**Phần II**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA**

**CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT:**

- Trung tâm Phục vụ hành chính công: TTPVHCC

- Thủ tục hành chính: TTHC

- Lãnh đạo phòng: LĐP

- Công chức Một cửa: CCMC

**1. Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế.**

Thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

| **STT** | **Trình tự** | **Trách nhiệm**  **thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| B1 | Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định *(nếu là hồ sơ điện tử thì các thành phần hồ sơ phải là scan từ bản gốc dạng tệp pdf hoặc bản điện tử ký số):*  - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ cho thương nhân kèm theo ghi chú yêu cầu thương nhân bổ sung chỉnh sửa cụ thể.  - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tiếp nhận hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển hồ sơ cho Công chức được phân công giải quyết TTHC. | CCMC tại TTPVHCC | 0,25 ngày làm việc |
| B2 | Thẩm định hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp: dự thảo Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS);  - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp: dự thảo văn bản trả lời công dân.  - Có thể tiến hành kiểm tra tại nơi sản xuất trường hợp nhận thấy việc kiểm tra trên hồ sơ là chưa đủ căn cứ để cấp CFS hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm quy định đối với CFS đã cấp trước đó  Trình Lãnh đạo phòng | Công chức được phân công giải quyết TTHC; Tổ thẩm định. | 1,5 ngày làm việc |
| B3 | Xem xét dự thảo Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) (hoặc văn bản trả lời trong trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp), trình Lãnh đạo Sở | LĐP ATTP | 0,25 ngày làm việc |
| B4 | Xem xét, phê duyệt văn bản, chuyển văn thư ban hành | Lãnh đạo Sở | 0,5 ngày làm việc |
| B5 | Vào sổ, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ, phát hành văn bản | Văn thư Sở | 0,25 ngày |
| B6 | Trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh | Công chức được phân công giải quyết hồ sơ | 0,25 ngày làm việc |
| B7 | - Trả kết quả giải quyết TTHC;  - Thống kê, theo dõi. | CCMC của Sở Y tế tại TTPVHCC | Không tính thời gian |
| **Tổng thời gian thực hiện** | | | **03 ngày làm việc** |

**2. Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế (CFS)**

Thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định

| **TT** | **Trình tự** | **Trách nhiệm**  **thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| B1 | Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định *(nếu là hồ sơ điện tử thì các thành phần hồ sơ phải là scan từ bản gốc dạng tệp pdf hoặc bản điện tử ký số):*  - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ cho thương nhân kèm theo ghi chú yêu cầu thương nhân bổ sung chỉnh sửa cụ thể.  - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tiếp nhận hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển hồ sơ cho Công chức được phân công giải quyết TTHC. | CCMC tại TTPVHCC | 0,25 ngày làm việc |
| B2 | Thẩm định hồ sơ  - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp: dự thảo Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS);  - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp: dự thảo văn bản trả lời công dân.  Trình Lãnh đạo phòng. | Công chức được phân công giải quyết TTHC; Tổ thẩm định. | 1,5 ngày làm việc |
| B3 | Xem xét dự thảo Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) (hoặc văn bản trả lời trong trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp), trình Lãnh đạo Sở | LĐP ATTP | 0,25 ngày làm việc |
| B4 | Xem xét, phê duyệt văn bản, chuyển văn thư ban hành | Lãnh đạo Sở | 0,5 ngày làm việc |
| B5 | Vào sổ, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ, phát hành văn bản | Văn thư Sở | 0,25 ngày làm việc |
| B6 | Trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh | Công chức được phân công giải quyết TTHC | 0,25 ngày làm việc làm việc |
| B7 | - Trả kết quả giải quyết TTHC;  - Thống kê, theo dõi. | CCMC tại TTPVHCC | Không tính thời gian |
| **Tổng thời gian thực hiện** | | | **03 ngày làm việc** |

**3. Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi**

Thời gian thực hiện TTHC: 10 ngày làm việckể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định

| **TT** | **Trình tự** | **Trách nhiệm**  **thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| B1 | Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định *(nếu là hồ sơ điện tử thì các thành phần hồ sơ phải là scan từ bản gốc dạng tệp pdf hoặc bản điện tử ký số):*  - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân kèm theo ghi chú yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung chỉnh sửa cụ thể.  - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tiếp nhận hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển hồ sơ cho Công chức được phân công giải quyết TTHC. | CCMC tại TTPVHCC | 01 ngày làm việc |
| B2 | Giải quyết hồ sơ  - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp: dự thảo Giấy xác nhận nội dung quảng cáo;  - Trường hợp không đồng ý với nội dung quảng cáo của tổ chức, cá nhân hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung thì dự thảo có văn bản thông báo không đủ điều kiện cấp hoặc văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nêu rõ lý do và căn cứ pháp lý của việc yêu cầu)  Trình Lãnh đạo phòng | Công chức được phân công giải quyết TTHC; Tổ thẩm định. | 04 ngày làm việc |
| B3 | Xem xét dự thảo dự thảo văn bản,trình Lãnh đạo Sở | LĐP ATTP | 01 ngày làm việc |
| B4 | Xem xét, phê duyệt văn bản, chuyển văn thư ban hành | Lãnh đạo Sở | 01 ngày làm việc |
| B5 | Vào sổ, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ, phát hành văn bản | Văn thư Sở | 01 ngày làm việc |
| B6 | Trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh | Công chức được phân công giải quyết TTHC | 01 ngày làm việc |
| B7 | - Trả kết quả giải quyết TTHC;  - Thống kê, theo dõi. | CCMC tại TTPVHCC | Không tính thời gian |
| **Tổng thời gian thực hiện** | | | **10 ngày làm việc** |

**4. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.**

Thời gian thực hiện TTHC:

- Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ: 20 ngày làm việckể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

- Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

| **TT** | **Trình tự** | **Trách nhiệm**  **thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| B1 | Kiểm tra thành phần tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định *(nếu là hồ sơ điện tử thì các thành phần hồ sơ phải là scan từ bản gốc dạng tệp pdf hoặc bản điện tử ký số):*  - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tiếp nhận hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển hồ sơ cho Công chức được phân công giải quyết TTHC;  - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân kèm theo ghi chú yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung chỉnh sửa cụ thể hồ sơ. | CCMC tại TTPVHCC | 0,5 ngày làm việc |
| B2 | Thẩm định hồ sơ:  - Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ: chuyển B3;  - Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ:dự thảo văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. chuyển B4 | Công chức được phân công giải quyết TTHC; Tổ thẩm định. | 1,5 ngày làm việc |
| B3 | Thẩm định thực tế cơ sở:  - Trường hợp cơ sở đủ điều kiện cấp: dự thảo Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;  - Trường hợp kết quả thẩm định không đạt yêu cầu, thông báobằng văn bản cho cơ quan quản lý địa phương giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận.  - Trường hợp thẩm định tại cơ sở chưa đạt yêu cầu và có thể khắc phục: Dừng hồ sơ 30 ngày *(thời gian cơ sở khắc phục theo quy định)*. Sau khi có báo cáo khắc phục của tổ chức, cá nhân, dự thảo Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc văn bản thông báo không đủ điều kiện cấp và chuyển B4.  Trình Lãnh đạo phòng. | Công chức được phân công giải quyết TTHC; Đoàn thẩm định. | 15 ngày làm việc |
| B4 | Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở Y tế | Lãnh đạo Phòng An toàn thực phẩm | 0.5 ngày làm việc |
| B5 | Xem xét, phê duyệt văn bản, chuyển văn thư ban hành | Lãnh đạo Sở Y tế | 01 ngàylàm việc |
| B5 | Vào sổ, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ, phát hành văn bản | Văn thư Sở | 0.5 ngày làm việc |
| B6 | Trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.  Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ thì In Giấy chứng nhận, trình Lãnh đạo Sở ký và kết quả CCMC tại TTPVHCC; | Công chức được phân công giải quyết TTHC | 1 ngày làm việc |
| B7 | - Trả kết quả giải quyết TTHC;  - Thống kê, theo dõi. | CCMC tại TTPVHCC | Không tính thời gian |
| **Tổng thời gian thực hiện** | | | - Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ: 20 ngày làm việc  - Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ: 05 ngày làm việc |

**5. Nhóm 02 TTHC, gồm:**

**5.1. Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học,thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt,sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.**

**5.2. Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi**

Thời gian thực hiện TTHC: 07 ngày làm việckể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

| **TT** | **Trình tự** | **Trách nhiệm**  **thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| B1 | Kiểm tra thành phần,tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định *(nếu là hồ sơ điện tử thì các thành phần hồ sơ phải là scan từ bản gốc dạng tệp pdf hoặc bản điện tử ký số):*  - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tiếp nhận hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển hồ sơ cho Công chức được phân công giải quyết TTHC;  - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân kèm theo ghi chú yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung chỉnh sửa cụ thể hồ sơ. | CCMC tại TTPVHCC | 0,5 ngày  làm việc |
| B2 | Thẩm định hồ sơ:  - Trường hợp đồng ý với hồ sơ công bố *(hồ sơ công bố đủ điều kiện)*: dự thảo Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm.  - Trường hợp không đồng ý với hồ sơ công bố: dự thảo văn bản trả lời tổ chức, cá nhân trong đó nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi bổ sung hồ sơ công bố.  Trình Lãnh đạo phòng. | Công chức được phân công giải quyết TTHC | 04 ngày  làm việc |
| B3 | Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở Y tế | LĐPAn toàn thực phẩm | 0.5 ngày  làm việc |
| B4 | Xem xét, phê duyệt văn bản, chuyển văn thư ban hành | Lãnh đạo Sở Y tế | 01 ngày  làm việc |
| B5 | Vào sổ, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ, phát hành văn bản | Văn thư Sở Y tế | 0.5 ngày  làm việc |
| B6 | Trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh | Công chức được phân công giải quyết TTHC | 0,5 ngày  làm việc |
| B7 | - Trả kết quả giải quyết;  - Thống kê, theo dõi. | CCMC tại TTPVHCC | Không tính thời gian |
| **Tổng thời gian thực hiện** | | | **07 ngày**  **làm việc** |

**6. Chỉđịnh cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước**

Thời gian thực hiện TTHC: 45 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm).

| **TT** | **Trình tự** | **Trách nhiệm**  **thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| B1 | Kiểm tra thành phần tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định *(nếu là hồ sơ điện tử thì các thành phần hồ sơ phải là scan từ bản gốc dạng tệp pdf hoặc bản điện tử ký số).*  - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tiếp nhận hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển hồ sơ cho Công chức được phân công giải quyết TTHC;  - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân kèm theo ghi chú yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung chỉnh sửa cụ thể hồ sơ. | CCMC tại TTPVHCC | 01 ngày  làm việc |
| B2 | Thẩm định hồ sơ:  - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Chuyển B3.  - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: dự thảo văn bản thông báo cho đơn vị nộp hồ sơ hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Trình Lãnh đạo phòng. Chuyển B7 | Công chức được phân công giải quyết TTHC | 06 ngày  làm việc |
| B3 | Thành lập đoàn đánh giá cơ sở kiểm nghiệm. | Lãnh đạo Sở Y tế | 15 ngày  làm việc |
| B4 | Kết luận đánh giá, trình Lãnh đạo Sở Y tế | Trưởng đoàn đánh giá | 05 ngày  làm việc |
| B5 | Xem xét văn bản kết luận đánh giá của Đoàn đánh giá, chuyển cho Công chức được phân công giải quyết TTHC | Lãnh đạo Sở Y tế | 04 ngày làm việc |
| B6 | Xem xét kết luận đánh giá của Đoàn đánh giá:  - Trường hợp đạt yêu cầu: dự thảo phê duyệt văn bản chỉ định đơn vị kiểm nghiệm, chuyển văn thư ban hành.  - Trường hợp không đạt yêu cầu: dự thảo văn bản thông báo về lý do không chỉ định cho cơ sở kiểm nghiệm.  Trình Lãnh đạo phòng | Công chức được phân công giải quyết TTHC | 10 ngày làm việc |
| B7 | Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở | LĐP An toàn thực phẩm | 01 ngày làm việc |
| B5 | Xem xét, phê duyệt văn bản, chuyển văn thư ban hành | Lãnh đạo Sở Y tế | 01 ngàylàm việc |
| B6 | Vào sổ, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ, phát hành văn bản | Văn thư Sở Y tế | 01 ngàylàm việc |
| B7 | Trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh | Công chức được phân công giải quyết TTHC | 01 ngàylàm việc |
| B8 | - Trả kết quả giải quyết;  - Thống kê, theo dõi. | CCMC tại TTPVHCC | Không tính thời gian |
| **Tổng thời gian thực hiện** | | | **45 ngày**  **làm việc** |

**7.Nhóm 02 TTHC, gồm:**

**7.1. Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước**

**7.2. Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nứớc**

Thời gian thực hiện TTHC:

- 45 ngày làm việc đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần7 Phụ lục 5 Nghị định số 148/2025/NĐ-CP.

- 30 ngày làmviệc đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 8 Phụ lục 5 Nghị định số 148/2025/NĐ-CP

(chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm trong trường hợp cần thiết)

| **TT** | **Trình tự** | **Trách nhiệm**  **thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| B1 | Kiểm tra thành phần tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định *(nếu là hồ sơ điện tử thì các thành phần hồ sơ phải là scan từ bản gốc dạng tệp pdf hoặc bản điện tử ký số):*  - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tiếp nhận hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển hồ sơ cho Công chức được phân công giải quyết TTHC;  - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân kèm theo ghi chú yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung chỉnh sửa cụ thể hồ sơ. | CCMC tại TTPVHCC | 01 ngày  làm việc |
| B2 | Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản gia hạn, trình Lãnh đạo phòng | Công chức được phân công giải quyết hồ sơ | - Trường hợp quy định tại Phần 7 Phụ lục 5 Nghị định số 148/2025/NĐ-CP: 39 ngày làm việc  - Trường hợp quy định tại Phần 8 Phụ lục 5 Nghị định số 148/2025/NĐ-CP: 24 ngày làm việc |
| B3 | Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở | LĐP An toàn thực phẩm | 01 ngày  làm việc |
| B4 | Xem xét, phê duyệt văn bản, chuyển văn thư ban hành | Lãnh đạo Sở | 02 ngày  làm việc |
| B5 | Vào sổ, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ, phát hành văn bản | Văn thư Sở | 01 ngày  làm việc |
| B6 | Trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh | Công chức được phân công giải quyết TTHC | 01 ngày  làm việc |
| B7 | - Trả kết quả giải quyết;  - Thống kê, theo dõi. | CCMC tại TTPVHCC | 01 ngày  làm việc |
| **Tổng thời gian thực hiện** | | | - 45 ngày làm việc đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần7 Phụ lục 5 Nghị định số 148/2025/NĐ-CP.  - 30 ngày làm việc đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 8 Phụ lục 5 Nghị định số 148/2025/NĐ-CP |

**8. Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nƣớc ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nhiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025**

Thời gian thực hiện TTHC: 30 ngày làm việckể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm trong trường hợp cần thiết)

| **TT** | **Trình tự** | **Trách nhiệm**  **thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| B1 | Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định *(nếu là hồ sơ điện tử thì các thành phần hồ sơ phải là scan từ bản gốc dạng tệp pdf hoặc bản điện tử ký số):*  - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ cho đơn vị nộp hồ sơ kèm theo ghi chú yêu cầu đơn vị nộp hồ sơ bổ sung chỉnh sửa cụ thể.  - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tiếp nhận hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển hồ sơ cho Công chức được phân công giải quyết TTHC. | CCMC tại TTPVHCC | 01 ngày làm việc |
| B2 | Thẩm định hồ sơ, đánh giá thực tế tại cơ sở (nếu cần), dự thảo văn bản Quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kèm theo danh mục các chỉ tiêu/phép thử.  Trình Lãnh đạo phòng. | Công chức được phân công giải quyết TTHC; Tổ thẩm định. Đoàn đánh giá | 23 ngày làm việc |
| B3 | Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở | LĐP An toàn thực phẩm | 01 ngày làm việc |
| B4 | Xem xét, phê duyệt văn bản, chuyển văn thư ban hành | Lãnh đạo Sở | 02 ngày làm việc |
| B5 | Vào sổ, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ, phát hành văn bản | Văn thư Sở | 02 ngàylàm việc |
| B6 | Trà kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh | Công chức được phân công giải quyết TTHC | 01 ngày làm việc |
| B7 | - Trả kết quả giải quyết TTHC;  - Thống kê, theo dõi. | CCMC tại TTPVHCC | Không tính thời gian |
| **Tổng thời gian thực hiện** | | | **30 ngày làm việc** |

**9.Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chứccông nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nƣớc ngoài là thànhviên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nhiệmQuốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánhgiá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025.**

Thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

| **TT** | **Trình tự** | **Trách nhiệm**  **thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| B1 | Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định *(nếu là hồ sơ điện tử thì các thành phần hồ sơ phải là scan từ bản gốc dạng tệp pdf hoặc bản điện tử ký số):*  - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ cho cơ sở kiểm nghiệm kèm theo ghi chú yêu cầu cơ sở kiểm nghiệm bổ sung chỉnh sửa cụ thể.  - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tiếp nhận hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển hồ sơ cho Công chức được phân công giải quyết TTHC. | CCMC tại TTPVHCC | 0,5 ngày làm việc |
| B2 | Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản trả lời cho cơ sở.  Trình Lãnh đạo phòng | Công chức được phân công giải quyết TTHC | 2,5 ngày làm việc |
| B3 | Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở | LĐP ATTP | 0,5 ngày làm việc |
| B4 | Xem xét, phê duyệt văn bản, chuyển văn thư ban hành | Lãnh đạo Sở | 0,5 ngày làm việc |
| B5 | Vào sổ, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ, phát hành văn bản | Văn thư Sở | 0,5 ngày làm việc |
| B6 | Trà kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh | Công chức được phân công giải quyết TTHC | 0,5 ngày làm việc |
| B7 | - Trả kết quả giải quyết TTHC;  - Thống kê, theo dõi. | Công chức được phân công giải quyết TTHC | Không tính thời gian |
| **Tổng thời gian thực hiện** | | | **05 ngày làm việc** |

**10.Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu**

Thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

| **TT** | **Trình tự** | **Trách nhiệm**  **thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| B1 | Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định *(nếu là hồ sơ điện tử thì các thành phần hồ sơ phải là scan từ bản gốc dạng tệp pdf hoặc bản điện tử ký số):*  - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân kèm theo ghi chú yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung chỉnh sửa cụ thể.  - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tiếp nhận hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển hồ sơ cho Công chức được phân công giải quyết TTHC. | CCMC tại TTPVHCC | 0,5 ngày làm việc |
| B2 | Giải quyết hồ sơ  - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: dự thảo Giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu.  - Trường hợp không cấp hoặc yêu cầu sửa đổi bổ sung: dự thảo Văn bản (nêu rõ lý do và căn cứ pháp lý của việc yêu cầu) | Công chức được phân công giải quyết TTHC; Tổ thẩm định. | 2,5 ngày làm việc |
| B3 | Xem xét dự thảo dự thảo Giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu (hoặc Văn bản không cấp hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung), trình Lãnh đạo Sở | LĐP ATTP | 0,5 ngày làm việc |
| B4 | Xem xét, phê duyệt văn bản, chuyển văn thư ban hành | Lãnh đạo Sở | 0,5 ngày làm việc |
| B5 | Vào sổ, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ, phát hành văn bản | Văn thư Sở | 0,5 ngày làm việc |
| B6 | Trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh | Công chức được phân công giải quyết TTHC | 0,5 ngày làm việc |
| B7 | - Trả kết quả giải quyết TTHC;  - Thống kê, theo dõi. | CCMC tại TTPVHCC |  |
| **Tổng thời gian thực hiện** | | | **05 ngày làm việc** |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_